

BẢN LUẬN QUYỂN 83

Gồm thu phần trên của môn khác: Quyết trạch phần ở trước quyết định lựa chọn, nhắm vào nghĩa bất tận khác trong Bản địa phần ở trước, phân biệt rộng kinh, luận trong phần gồm thu giải thích, tác dụng của pháp tức quyết định lựa chọn văn luận kia. Nay, nghĩa văn trong phần gồm thu môn khác, đều nói, về danh, có các mỗi thứ không đồng nghĩa, có rất nhiều khác nhau: Một môn gồm thu nhiều môn, một nghĩa gồm thu nhiều nghĩa. Nay, đều quyết định lựa chọn, gọi là gồm thu môn khác. Nếu nói gồm thu danh khác, thì chỉ gồm thu văn. Nếu nói gồm thu nghĩa khác thì chỉ gồm thu ở nghĩa. Nay, gọi là môn khác, tức nghĩa văn đều gồm thu.

Trong phần này, luận có hai quyển, vì quyển này ở trước, nên nói là trên. Trong văn có hai:

1. Kết trước, chia sau.
2. Chính giải thích.
- Thứ ba, là giải thích xong, tổng kết.

Trong chính thức giải thích; 1. Có một bài tụng, chia chung hai môn. 2. Dựa vào môn hai chương để giải thích theo thứ lớp.

Nói “Giảng nói môn khác của phẩm bạch v.v..., là thiện. Có cả hữu lậu, vô lậu, đều gọi là bạch. Muốn dùng các môn để nói theo thứ lớp.

Giảng nói môn khác v.v... của phẩm hắc: Bất thiện, gọi là phẩm hắc, bảo cho muốn biết dùng môn khác để phân biệt, giải thích. Ý của hai phẩm giải thoát của nửa bài tụng dưới, là vì nghĩa khai ngộ người khác, giúp họ giác ngộ, nên nói “lược tụng”, nên biết.

Trong dựa vào chương để giải thích, trước, giải thích về phẩm bạch, sau, giải thích phẩm hắc.

Giải thích phẩm bạch, có bốn lược:

1. Giải thích tám môn như sư v.v....
2. Mười lăm môn như Trí v.v....
3. Mười môn như Như lai v.v....
4. Chín môn như dục v.v....

Trong môn đầu có hai: Trước là bài tụng nêu tám môn: 1- Sư; 2- Thứ nhất; 3- Hai Tuệ; 4- Bốn thứ khéo nói v.v...; 5- Cũng có nhân duyên; 6- Thí; 7- Giới; 8- Đạo.

Kế là, dùng Văn xuôi để giải thích, lại có tám đoạn:

Thứ nhất trong giải thích về sư, chia làm hai:

1. Nói về ba Sư.
2. Giải thích danh nghĩa khác nhau.

Trong phần trước, nói về bậc thầy mô phạm, nghĩa là giữ khuôn phép. Thân giáo sư là Hòa-thượng.

Nếu là người đồng pháp, nghĩa là người có khả năng khai ngộ. Người khiến ta nhớ nghĩ, tức là người đồng học, trước đã có hiểu biết. Nói cho phép ngừng dứt tất cả những điều nên làm, không nên làm, là bậc Đại sư. Thường dạy bảo, khuyên răn: là ba vị Sư sau.

Nói “Phải biết tức là người “năng thuyết”, “truyền thuyết” và “tùy thuyết”, nghĩa là kết ba sư trước.

Kế là giải thích về sự khác nhau của Danh nghĩa, trước giải thích danh nghĩa của thầy, sau, giải thích hạnh của đệ tử.

Trong phần trước, danh nghĩa của thầy lược có mười sáu trường hợp. Luận sư Cảnh nói: “Ba nghĩa hay chèo, chèo vượt hơn, cho đến chèo: Văn chung cả ba sư. Ba nghĩa: hay dẫn dắt, dẫn dắt hơn và dẫn dắt đến cùng, cũng chung cho cả ba sư.

Pháp sư Thái nói: “Căn bản là hòa thượng, Xà-lê, gọi là người bạn thứ nhất. Nếu nói pháp thế của Bồ-tát v.v... lại vì tất cả chúng sinh, mà làm hòa thượng, Xà-lê, thì gọi là người bạn thứ hai. Trong kinh có biệt danh này, cho nên giải thích.

Dưới đây giải thích về hạnh đã tu của đệ tử, có hai mươi chín trường hợp.

Bỏ dễ, hiểu thì khó. Nói “Đối với tất cả việc, hiện đang tùy tùng nên gọi là Tín, thuận v.v...”, nghĩa là trong các hữu tình v.v..., tin tưởng tất cả việc nhân, quả mà thầy đã nói, gọi là tinh tấn. Vì duyên người khởi niềm tin, nên gọi là khai tín. Vì “duyên” pháp khởi niềm tin, nên gọi là Tịnh tín.

Nói phạm hạnh, nghĩa là cho đến cùng cửa tập pháp thâm dục: Niết-bàn lìa nhiễm gọi là phạm. Tám chi Thánh đạo với phạm là hạnh. Lại, phiền não, gọi là phi phạm. Tám chi Thánh đạo lìa phiền não, nên gọi là phạm hạnh. Lại, tám chi này vì sinh ra từ phạm âm của Đức Như lai, nên gọi là phạm hạnh.

Lại, nói “người an trụ phạm hạnh khác cho đến “do tu thân niệm”, nghĩa là địa vị ba mươi bảy phẩm giải phẩm ba, bốn, hai, năm, ở đạo phương tiện. Bảy giác ở kiến đạo. Tám chánh ở tu đạo. Kiến đạo dù đủ bảy giác, nhưng chỉ vì một phen nhập, không khởi định, liền được rốt ráo. Cho nên sáu giác còn lại từ giác chi định, đều gọi là Xa-ma-tha. Tám chánh ở tu đạo, vì Tuệ thường quán sát mạnh mẽ, bảy chánh còn

lại từ Tuệ, đều gọi là Tỳ-bát xá na.

Trong bảy phương tiện, từ bốn niệm xứ, cho đến năm lực, gọi là chung là tu thân niệm, không đồng với Tiểu thừa chỉ quán sắc thân, gọi là thân niệm.

Nói “Như pháp thích ứng với thân niệm kia, vì tự tánh, phẩm loại kia v.v...”: Hỏi: “Bảy giác của kiến đạo có định, phi định, vì sao gọi là chung là định?”

Giải thích: “Định giác chi trong kiến đạo là tự tánh, sáu giác chi còn lại là phẩm loại của chánh kiến kia, với tướng tùy theo gọi là Tuệ.

Kiến đạo trở xuống, có năm pháp. Bốn Niệm xứ, cho đến năm lực, trong đó, vì nêu đầu tiên, nêu sau, nên gọi là Tín, Niệm. Bốn niệm xứ này, theo Đại thừa, vì dùng Niệm, Tuệ làm tánh, nên trong bốn niệm trụ đầu, chỉ có thân niệm. Trong năm lực sau, nêu Tín, lực kia vì đều có cả định, tuệ, nên nói tín, niệm trong đây đều có ở cả hai phẩm. Nêu hai phẩm này, vì muốn nói tu thể của thân niệm có cả Định, Tuệ. Dưới đây, hai giải thích theo thứ lớp, trong thứ mười một được chia làm ba:

1/ Y cứ theo năm nghĩa như hạnh v.v... của mình để nói về danh thứ nhất v.v....

2/ Y cứ năm nghĩa như thiện v.v..., của thế gian để nói.

3/ Y cứ năm nghĩa như dục, hành v.v..., để nói, trong đó, lại có ba:

a. Chính giải thích năm danh: Nói “Nói trên”, nghĩa là vượt qua tất cả điều thiện của thế gian, vì khéo viên mãn: đây là y cứ vào thể của Hậu trí là xuất thế, vì hiện hành thế gian, nên gọi là thế gian.

b. Giải thích chín câu trong kinh, dưới đây sẽ kết thành nghĩa thứ nhất.

Nói “Do vì xuẩn động”, tức loài không có chân ở trước, cho đến nhiều chân.

“Do y chỉ”, nghĩa là có sắc, vô sắc, làm y chỉ cho cõi kia.

“Do tâm”, nghĩa là hữu tướng, vô tướng, phi hữu tướng, phi vô tướng. Đức Như lai là bậc nhất trong ba chủng loại ấy.

c. Trong giải thích hai tuệ. Tam Tạng Pháp sư nói: “Dùng hai lần “Lại nữa” để giải thích tuệ của Đại sư, nên nói là hai tuệ.

Lại, Đại Tuệ v.v... trở xuống, là giải thích nghĩa thứ hai. Luận sư Cảnh nói: “Dù có danh của các tuệ, nhưng gọi chung là hai tuệ, là tên của môn khác”.

Pháp sư Thái nói: “Sư là thứ nhất, tuệ là thứ hai, chỉ bỏ chữ “thứ”, nên bài tụng nói rằng: “Hai tuệ”.

Trong văn có năm mươi một câu. “Bỏ dễ, hiểu khó, đều sinh ra tuệ”, tức “sinh đắc tuệ”. Tuệ Gia hạnh là Tuệ phương tiện.

Nói “Bức tường Tuệ, cho đến chẳng phải một trí giới”, Luận sư Cảnh nói: “Vách tường là trí hậu đắc, lợi khắp chúng sinh, chỉ được vận chuyển bởi tâm đại bi. Nhà cung điện là chánh thể trí nội chứng chân như, gọi là đến rốt ráo v.v...”. Pháp sư Thái nói: “Trí giới như bức tường bao quanh khắp tất cả. Tường có một cổng, giới cũng như thế. Giới là nhân duyên khắp cả pháp. Bồ-tát mới học phải quán nhân duyên các pháp. Kế là, có thể biết rõ về sự khác nhau giữa mười tám giới, gọi là chẳng phải trí của một giới, là hướng đến đạo Gia hạnh của hai quả, nên nói là thêm bậc. Phân biệt chín chắn trong mười tám giới, mỗi giới đều có phẩm loại, nên gọi các thứ trí giới. Vì như trú xứ rốt ráo của điền đường, nên tức trí giới v.v....

Y cứ ở ban đầu, giữa, sau, để nói về ba trí.

Thứ tư, là giải thích khéo nói v.v..., trước, giải thích riêng tám câu. Sau gom tám thành bốn.

Trong phần trước nói đầy đủ bốn y: Bốn y nhân, bốn y pháp cũng có thể có bốn y hành, nên nói “hữu y”.

Thứ năm, giải thích có năm câu như nhân duyên v.v....

Nói bốn y, nghĩa là bốn y như dưới cội cây v.v....

Ba thân biến: Là thân tức, Tha tâm, lậu tận. Trong dạy răn, lược qua không có tha tâm.

Thứ sáu, trong giải thích về bố thí: 1. Trong giải thích kinh có sáu câu. 2. Dùng sáu thí để phối hợp thuộc văn trước. 3. Kết thành.

Nói sáu câu dù khác, nhưng không ngoài ba thứ:

1. Phẩm loại của bố thí, tức hai câu trước.

2. Thời gian bố thí, tức hai câu kế.

3. Nơi chốn bố thí, tức hai câu sau. Thứ bảy, trong giải thích về giới, trước, nêu nửa bài tụng, nêu lên bốn môn của giới kia. Sau dùng văn xuôi, theo thứ lớp, giải thích riêng, tức làm bốn đoạn:

Thứ nhất, giải thích Thi-la, tức có mười lăm câu.

Thứ hai, giải nói pháp, tức có sáu câu.

Thứ ba, bốn đoạn chỉ như trước đã nói, rất dễ hiểu.

Thứ tám, trong giải thích về đạo, trước nêu một bài tụng, nêu tám môn. Bảy môn của phẩm đạo là bảy, nói rộng là thứ tám, nên nói vô lượng là sau.

Kế là, dùng văn xuôi để giải thích. Văn được chia làm sáu. Đầu tiên, là giải thích về niệ m trụ, có mười ba câu. Nhưng trong văn này

không có văn: về Thân, Thọ, Tâm, Pháp, chỉ nói dục, tinh tấn v.v... làm phương tiện của bốn niệm trụ.

Trụ ánh sáng nhiệt: Vì hy tu pháp đối trị lười biếng. Nghĩa là như ánh sáng mặt trời phá tan bóng tối. Như thế, chánh cần, có thể trị biếng nhác.

Trong đây, “chỉ bày rõ v.v... đến “bốn thứ đối trị”, nghĩa là chỉ kết bốn câu sau.

Thứ hai, là giải thích thân túc chánh đoạn.

Thứ ba, là giải thích căn, lực, đều chỉ trước đã nói.

Thứ tư, là giải thích bảy giác của kiến đạo, giải thích riêng về trạch pháp giác phần.

Nói phân biệt, lựa chọn, nghĩa là lấy chung tất cả chủng loại của pháp khổ, để làm Thánh đế khổ: là “duyên” chung về khổ.

“Rất phân biệt lựa chọn” cho đến “Trước tu pháp đã làm”, nghĩa là phân biệt lựa chọn giáo “năng thuyên” của kế kinh. Vì y chỉ giáo này, nên trước là tu pháp phải làm.

Nói “xét định v.v... hiểu rõ”, nghĩa là vì hiểu rõ một cách bình đẳng đối với tất cả pháp, nên nói là “xét định”. Hiểu rõ gần: là chứng pháp gần ở trước được quyết định.

“Hiểu rõ gần”: Ở trước là đạo Tâm, Từ, nghĩa là ba Tâm, Từ ở trước. Nay là đạo quyết định, nghĩa là ba Tâm, Từ sau là trí như thật. Đây là nói hai lần “lại nữa” khác nhau. Hiểu rõ vẫn là Trạch pháp giác phần.

Thứ năm, là giải thích tám Thánh đạo có ba mươi câu.

“Sáng rõ v.v...”, là chánh kiến, chỉ giải thích về chánh kiến, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng v.v....

Nói “Biết rõ Thể phân biệt”, nghĩa là biết tâm năng “duyên”.

Lại, sáng rõ: là biết tự tướng thông suốt, nghĩa là biết cộng tướng. Hậu trí biết tự tướng, chánh trí biết cộng tướng.’

Hỏi: “Luận này trái với Nhân minh, vì hiện lượng của Nhân minh biết tự tướng, nghĩa là như ý thức, tâm định của năm thức, đều biết về tự tướng sự lý của các pháp. Nay, nói cộng tướng là y cứ vào lý sở tri, vì giống nhau nên gọi là cộng tướng.”

“Nhàm lìa v.v... trở xuống, là nói về chánh ngữ, chánh nghiệp, do tâm nhàm. Lìa mà khởi, gọi là nhàm lìa.

Nói “Niệm v.v... trở xuống, kể là, giải thích về chánh niệm. Lược qua không nói về ba chánh tinh tấn, chánh định, tư duy.

Dưới đây, thứ sáu, giải thích, nói rộng, có ba bài tụng, gồm ba

mười bốn môn: Bài tụng đầu có mười lăm môn, bài tụng kế có mười môn, tụng sau có chín môn.

Trong giải thích bài tụng đầu, trước là giải thích về trí có mười hai câu. Trí, nghĩa là nghe ngôn thuyết, tuệ là trước, cho đến người trí, nghĩa là người biết ngôn thuyết, tuệ là trước: Luận sư Cảnh nói: “Theo Tỳ Đàm, sáu căn kiến lập thấy, nghe v.v.... Luận Thành Thật lập sáu thức. Nay, theo luận Đối Pháp của Đại thừa nói: “Nếu mắt đã nhận biết thì gọi là thấy. Nếu tai đã nhận biết gọi là nghe. Nếu tự vẽ lơ mờ thì gọi là giác. Hiện tượng đã chứng, gọi là biết. Văn này là nói ba căn Mũi, Lưỡi, Thân ba thức và năm thức đồng thời ý thức đều cho là biết. Nếu tự mình đã chứng, gọi là thấy, tức là hiện lượng. Từ người khác mà được, gọi là nghe.

Kinh Thắng-man chép: “Mà nói kệ rằng: “Ta nghe âm thanh v.v... của Phật, không tự đích thân nghe Phật nói. Truyền nghe, tức là ghi chép, gọi là văn tuệ, là Thánh ngôn lượng. Nếu tự tư duy lơ mờ, thì gọi là giác, tức là Tỷ lượng.

Pháp sư Thái nói: “Trong kinh nói bốn thứ Trí, kiến, giác, tri nên luận chủ giải thích: “Người trí, nói là vì ở trước đồng nghe, nên khởi ngôn thuyết rằng: “Ta nghe”. Nhân nghe này, khởi trí, kiến, giác, tri, so với đây sẽ hiểu.

Kế là, giải thích về giảng nói, tức có tám câu, như văn rất dễ hiểu.

Thứ ba, là giải thích về thiện, có mười hai câu. Luận sư Cảnh nói: “Tức là bảy xứ thiện. Đầu tiên là nói về thời gian thiện, trong đó cũng có ba, nghĩa là đầu tiên, giữa, sau, tức là công năng của giáo, có thể làm cho người tu hành đầu tiên, sinh hoan hỷ là văn tuệ. Đạo trong hạnh là tư, sau là tu tuệ. Về sau, khiến lìa chướng, chứng đắc, tức chứng trí. Trong trí:

1- Lìa hiện hành nơ và tất cả rớt ráo lìa dục, nghĩa là dứt trừ tùy miên.

2- Nghĩa thiện.

3- Văn thiện.

Đây là nêu ra giáo thể; “năng thuyết”, “sở thuyết” đều là giáo thể.

Thứ tư, là thuần nhất, tức là thiện riêng, vì không chung với ngoại đạo.

Thứ năm, là viên mãn, nghĩa là không có hạn lượng, vì rất tôn thắng. Đối tượng hóa độ vô biên, vì rất tôn quý hơn trong chủ thể hóa

độ.

Thứ sáu, là thanh tịnh, nghĩa là tự tánh giải thoát, rằng ở vị hữu học, Vô lậu, gọi là tự tánh giải thoát.

Thứ bảy, là trong sạch nghĩa là giải thoát nối tiếp nhau, ở địa vị vô học.

Thứ tám, là phạm hạnh, nghĩa là tám chi đạo, là ba thứ giải phạm, như trước đã nói. Phải biết, đạo này đã được nói rõ là do bốn thứ tướng mẫu nhiệm, thuần nhất v.v....

Văn này nói Phạm hạnh gồm bốn thứ như thuần nhất v.v..., theo thứ lớp giải thích, ba nghĩa trước riêng, không giải thích Phạm hạnh. Văn này được phân tích từng phần không đồng. Xưa nay thường nói phạm hạnh là chung, bảy phạm hạnh còn lại là riêng. Pháp sư Thái nói: “Dù nêu tám chánh đạo v.v.... Mà ở đây nêu đối tượng giải thích (sở thuyên) làm rõ giáo “năng thuyên”, vì nói khen vượt hơn chung.

Thứ tư, là giải thích Dục hữu có bốn câu. Dục cũng gọi là ái, cũng gọi là lạc, cũng gọi là Tín.

Thứ năm, giải thích hừng cháy, cũng có bốn câu.

Thứ sáu cũng có năm câu.

Thứ bảy, giải thích về Trần Xa v.v... có mười bốn câu. Luận sư Cảnh nói: “Nhơ, nghĩa là phẩm Trần xa kia, tức tâm sở đồng thời do kiến dứt trừ ngã mạn và phẩm kiến dứt trừ tất cả thô nặng không bao giờ có. Lấy chung kiến dứt trừ tất cả tùy miên, gọi là nhơ.

Nói Pháp nhãn, nghĩa là như thật hiện chứng, chỉ có pháp tuệ, nghĩa là chủ thể chứng chỉ có pháp tuệ không có nhân, gọi là pháp Nhãn.

Nói “Kiến Pháp” nghĩa là vì thấy như thật đối với khổ v.v..., nói là tướng kiến đạo.

Nói “Đắc pháp”, dưới đây là nói được quả Sa-môn. Nói biết pháp: dưới đây là nói xuất quán, không thể do trí tha tâm v.v... mà biết, nên nói “không tự biết”. Được quả Sa-môn mà do đạo lý quán hạnh, biết tự đắc quả. Lại “Tự biết quả Dư lưu của ta v.v..., đạt được bốn tịnh không hư hoại.

Vượt qua “hoặc”, nghĩa là đối với tự chứng. Vượt qua nghi, nghĩa là đối với người khác đã chứng. Nếu có người chưa tự chứng, phần nhiều nghi “ngờ”, do tự nội chứng, nên vượt qua nghi “ngờ”.

Pháp sư Thái nói: “Câu đầu có hai lượt giải thích: Lượt đầu, trí của quyết trạch phần đã sinh, chưa được trí vô lậu rốt ráo. Ngã mạn trong địa vị này làm chướng hiện quán kiến đạo. “Hoặc” có gián đoạn khởi, “hoặc” không có gián đoạn khởi, gọi là vượt qua hạt giống của ngã mạn

và hạt giống do kiến dứt trừ, đều gọi là nhơ.

Lượt sau, vượt qua là ngã mạn của tu hoặc và kiến hoặc hiện khởi. Nhơ, nghĩa là hạt giống của hai phẩm kiến, tu.

Câu sau cùng cũng có hai lượt giải thích: lượt đầu rất dễ hiểu. Lượt sau, trái với sinh tử của thế tục, thu hưởng Niết-bàn thắng nghĩa, nên nói “kiến lập pháp hai đế”.

Thứ tám, là giải thích như bệnh v.v..., trước là nêu chung. Sau, là giải thích riêng. Ý hỏi: Vì sao trong kinh nói “như bệnh v.v...”, không giảng nói quán kia, giống như bệnh nặng ư?

Đáp: Trước đáp chung nghĩa kia. Sau, là giải thích riêng bốn hạnh.

Trong phần trước nói “Nhưng người tu hành cho đến “quán sát quả kia”. Nghĩa là hành giả, trước quán khổ đế, tạo nên hành vô thường. Kế là, như thật quả trách, phá hủy việc kia, giống như bệnh v.v..., rất đáng nhàm chán, trái bỏ. Kế là lại quán vô thường, quán sát quả khổ, vì hành giả kia quán về vô thường trong hai thời gian ban đầu và sau, còn khoảng giữa thì quán bệnh v.v...”. Nếu nói thẳng, thì quán kia cũng như bệnh nặng, thì sẽ không đồng với quán vô thường kia.

Kế là, trong giải thích riêng về bốn hành, đầu tiên giải thích vô thường. Nói “Vô thường cho đến “Vì đều lần lượt, nghĩa là quán một thân vô thường gọi là quán thân sanh, niệm niệm vô thường gọi là sát-na. Sát-na xoay vần, nghĩa là do niệm kia vì cảm xúc thân kia khởi tận, nên niệm kia cảm thọ thân kia, khởi tận, nghĩa là xúc, thọ dù rằng đồng thời mà vẫn được nói là từ xúc sinh thọ. Lại, tương tự như nói niệm trước tương ứng với thọ. Xúc sinh ra xúc của niệm sau tương ứng với thọ.

Thấy sự nối tiếp nhau này, nghĩa là nói về quán xúc sinh thọ, chỉ là sự nối tiếp nhau, chẳng phải một sát-na, nên nói “Thấy nối tiếp nhau” này. Do chẳng phải không hiện thấy, chứ chẳng phải “duyên” trí người khác, nghĩa là hiện thấy về khổ, nên nói “chẳng phải trí không hiện thấy, vì quán thân mình, nên nói “chẳng phải duyên” trí người khác.

Thứ hai, trong giải thích về nỗi khổ, trước nêu lên hai thứ. Sau, là giải thích riêng hai thứ. Trong đó, trước là giải thích các khổ như sinh v.v....

Nói “Do thấy sinh lần lượt có, nên ngộ nhập tánh khổ, nghĩa là mỗi niệm sinh diệt gọi là tánh khởi, tức là hành khổ. Kế là, giải thích ba thọ đều khổ. Văn này nói lúc khổ thọ sinh, khổ trụ khổ, nên khổ khổ, chẳng phải khổ, lạc thọ, xả thọ.

Mỗi niệm, diệt hoại, là giải thích hành. Hành kèm theo thô nặng,

không được tự tại, gọi là khổ khổ, vì thể là pháp diệt, hoại, nên nói là khổ.

Trong đây trở xuống, lược giải thích thứ hai, đã diệt hoại, nghĩa là do vô thường, nên nói là khổ, đây là quá khứ.

Đã sinh khởi, nghĩa là vì pháp diệt hoại, nên cũng nói là khổ, đây là nói hiện tại.

“Pháp diệt, hoại này cho đến “Cũng gọi là khổ v.v...”, nghĩa là thể xả thọ của A-lại-da là pháp diệt hoại. Đôi khi khổ khổ đã theo đuổi, hoặc có lúc hoại khổ của lạc thọ theo đuổi. Theo đuổi một với hai khổ này đều sinh, gọi là tương ứng. Xả thọ này cũng gọi là khổ.

Vì sao phải quán trở xuống: là lược giải thích thứ ba, nghĩa là do thọ này tham các tùy miên, do tùy miên nên thọ khổ ở đương lai. Trong hiện tại có công năng sanh lỗi lạc thọ duyên, nên sinh ưu não, nên sanh khổ hoặc. Nên quán lạc thọ như thế là khổ.

Sao lại phải quán khổ thọ như mũi tên? Vì rất thường xúc não, hư hoại, đây là quán khổ thọ.

“Chẳng phải khổ, lạc, thọ cho đến hai thứ khổ, lạc”, đây là quán xả thọ. Khổ khổ, khổ hoại, gọi là hai thứ khổ lạc.

Thứ ba, thứ tư, là giải thích “không” vô ngã, cách hành văn rất dễ hiểu.

Trong giải thích thứ chín có mười hai câu, cũng gọi là bày tỏ, cũng gọi là khai thị, cũng gọi là tỏ rõ v.v..., tức là gồm thu môn danh nghĩa khác. Xúc, nghĩa là hay xúc chứng.

Giải thích ngã thứ mười có tám câu: Ngã hữu tình v.v..., hoặc là thần ngã của ngoại đạo. Hoặc nói về giả ngã của pháp Phật. Tiếng phạm là Tát Đỏa, đời Đường dịch là Hữu tình. Hiền Thánh biết rõ chỉ có thức hữu tình, lại là vô ngã, v.v... nên gọi là Hữu tình. Tiếng Phạm là Ba-La-Noa, Hán dịch là Chúng sinh. Người xưa dùng danh từ “chúng sinh” phiên dịch Tát Đỏa ấy là lầm.

Tiếng Phạm là Ma-thố-Già, Hán dịch gọi là ý sinh. Vì từ ý sinh, nên là thân chủng loại của ý.

Ma Nạp Phước Ca, Hán dịch Nho đồng, hoặc phân nhiều dịch là Niên thiếu. Những danh từ này là tên khác của Thần ngã, vì tuổi thịnh vượng, ý tự tại, cao, thấp, xưa nói Ma-Nạp-lược.

Dưỡng dục, nghĩa là tạo nghiệp, chiêu cảm quả báo. Quả của con sinh nhau, là nghĩa thấm nhuần, gọi là nuôi nấng (dưỡng dục).

Thứ mười một, giải thích nghĩa dứt trừ, tìm văn, rất dễ hiểu.

Thứ mười hai, là giải thích về sanh tử đã hết, có hai lần “lại

nữa”:

Đầu tiên là giải thích sanh tử của ta đã hết để giải thích bốn quả, ba câu còn lại chỉ ở Vô học ở sau. Giải thích như văn.

Nói “bốn thứ thọ ký là giải thích rõ về hành tướng, tức là sanh tử đã hết v.v..., gọi là bốn thứ hiểu rõ, vì người khác nói, nên nói là thọ ký.

Thứ mười ba, giải thích về trời, thế gian: Trước giải thích văn tụng. Sau, giải thích rải rác văn kinh.

Trong phần trước nói “Đều là trời, thế gian” là câu chung.

“Ở đây có hai thứ”: trong giải thích bài tụng này, đều là trời, đời, chúng sinh, ở đây có ba thứ.

2. Theo trong nhiếp sự phân có ba thứ:

a. Đều là Ma, Phạm có hai.

Ma, tự tại trong cõi Dục.

Phạm, tự tại ở Định.

b. Đều là hai chúng sinh: Sa-môn, Bà-la-môn, nghĩa là sinh ở trong cõi người, người hy vọng sanh lên ma phạm, mà tu hành.

c. Đều là hai sinh: Chư thiên, Người, nghĩa là ở trong trời trừ ma và phạm, lấy trời khác. Ở trong người, trừ Sa-môn, Bà-la-môn, lấy người khác.

Nói “Như thế tổng kết giải thoát, ba Phược xuất ly dục tham”, nghĩa là những người như thế, không giải thoát ba phần Phược là tham, sân, si, nói La-hán không đồng với họ, nên nói thoát ba phược. Dưới đây trong giải thích rải rác văn kinh, có mười câu.

Tỳ-nại-da là điều phục. Vì hàng phục, dứt trừ hiện hành, nên nói, do hai tác ý thắng giải liễu tướng.

Dứt trừ, nghĩa là do xa lìa, gồm cả rốt ráo Gia hạnh lạc.

Siêu việt, nghĩa là do tác ý của quả phương tiện rốt ráo. Văn còn lại rất dễ hiểu.

Thứ mười bốn là giải thích về năm câu như Y v.v.... Y, là năm thủ uẩn, nghĩa là chúng sinh tự nương tựa năm uẩn và sự thọ thuộc về bảy thứ, tức là cha, mẹ v.v... Lại bên ngoài, dựa vào cha mẹ v.v.... Nói thủ nghĩa là các dục tham, cũng gọi là thủ: tham là thể của bốn thủ.

Đây là y cứ ở “năng thủ”, gọi là “thủ”, nên nói là Tham, nếu y cứ ở “sở thủ” gọi là thủ, thì: 1- Chấp lấy các kiến; 2- Chấp giới quạ, gà v.v...; 3- Chấp ngã kiến và ngã sở chấp; 4- Chấp năm dục. Nếu y cứ ở “sở thủ”, gọi là thủ, thì nói bốn cảnh, gọi là bốn thủ. Việc này như phần nhiếp sự của văn dưới sẽ nói:

“Do không an lập và an lập, nên nói có bốn thủ”. Luận sư Cảnh nói: “Người tại gia chỉ khởi dục thủ, không an lập hai thủ: kiến, giới thủ. Xuất gia, ngoại đạo khởi kiến thủ, giới thủ, gọi là an lập. “Ngã ngữ thủ” không an lập và an lập, chung cho tại gia, xuất gia đều khởi, nên có bốn. Việc này như nhiếp sự phần đã nói.”

Pháp sư Thái nói: “Dục thủ là gốc, nên gọi là không an lập riêng, ba thủ còn lại gọi là an lập riêng. Do không an lập và an lập, nên có bốn thủ.

Nói chấp mắc: nghĩa là các phiền não hay hưởng đến nơi nương tựa, tức gọi là triền v.v.... Phiền não hiện hành hay thu hưởng về y, mẹ, tức gọi là ràng buộc hiện hành phiền não có công năng thú hưởng năm uẩn kia và cha ẹm tức gọi là ràng buộc. Phẩm thô nặng kia, gọi là tùy miên.

Như thế, gọi là nương tựa: 1- Gọi là thủ; 2- Gọi là chỗ nương tựa của tâm; 3- Gọi là chấp mắc tùy miên; 4- Đây là theo thứ lớp kết bốn môn trước. Ở đây có thân thức và trong tất cả tướng bên ngoài v.v... đến “trong tướng cảnh giới, là nói trong thân hữu thức, có hạt giống của bản thức, có công năng làm nhân duyên cho ngã mạn v.v... và làm duyên cho cảnh giới. Hạt giống trước đối với hạt giống sau, là nhân duyên đồng loại. Cho nên thân thức cũng làm nhân duyên cho tùy miên. Tất cả tướng khí giới bên ngoài, chỉ làm duyên cảnh giới cho ngã, kiến, mạn v.v.... Lại, do “duyên” khí thế giới bên ngoài kia, vì huân tập thành hạt giống, nên đối với tùy miên nọ, cũng là xa làm duyên cho cảnh giới.

Thứ mười lăm, giải thích về chấp ngã, ngã sở v.v..., ngã mạn, đa số là ngoại đạo khởi. Hạt giống ngã mạn nội đạo, ngoại đạo đều có.

Kế là, có một bài tụng nêu mười môn để nói rộng ở trước.

Trong văn xuôi, đầu tiên, là theo thứ lớp, giải thích rộng. Ban đầu, giải thích Như lai v.v..., trước nhắc lại chỉ ra kinh nói. Kế là giải thích nghĩa kinh đó. Sau là phân biệt chung.

Y cứ trong phần giải thích, chỉ giải thích về tám danh hiệu, không nói hai danh hiệu: Chánh biến tri và Như lai.

Ứng nghĩa là vì xứng đáng nhận cúng dường, có giải thích: “Âm Phạm chỉ gọi là Ứng. Cho nên, dùng “ứng cúng dường để giải thích về tên “ứng” kia.

Nay, giải thích có nhiều nghĩa: lại nêu một nghĩa để giải thích:

“Giá hành, hành hành, thủy đều viên mãn”: Như căn kia, hoặc ngăn ngừa, hoặc gìn giữ môn căn, gọi là “giá hành”. Ba nghiệp tu tạo, gọi là “hành hành”.

Lại nữa, “Bốn thứ cho đến “thấy đều viên mãn”, nghĩa hiện lạc viên mãn của tâm tăng thượng của bốn thiền.

Trước là hành hành: Trước nói giá hành, hành hành, gọi là chung là hành. Sau là trụ hành, nên gọi là trụ hành, thân thanh tịnh v.v... trong đây, hiện hành chánh mạng là hành viên mãn. Kín đáo giữ gìn căn môn, là gia hành viên mãn, có thể biết.

“Do hai thứ này cho đến “Pháp không quên mất”, nghĩa là do hành hành, nên chứng tỏ ba không giữ gìn. Do “giá hành” nên làm rõ không có quên mất. Do không gây ra lỗi, tĩnh lự thế gian, ngăn ngừa tự khổ hạnh. Tĩnh lự thế gian là đạo vui. Ngoại đạo thực hành khổ hạnh, gọi là tĩnh lự lỗi.

Nay, nói Đức Như lai, do không tạo tĩnh lự thế gian lỗi, ngăn ngừa khổ hạnh, nên gọi là “ngăn ngừa tự khổ hạnh”. Lại, giải thích: “Do không tạo lỗi, vì định xuất thế, nên gọi là ngăn ngừa tự khổ hạnh.

Nói “Lại, đối với tự tánh của các pháp thế gian”, nghĩa là pháp từ duyên sinh. Nhân duyên: là năng sinh. Nhân duyên lỗi lầm của vị ái, nghĩa là do vị ái, nên khởi các lỗi lầm.

Xuất ly: Là dục hạnh, nghĩa là do thấy lỗi lầm, nên có thể lìa dục, có thể hướng về hạnh v.v... : Do thấy trong sinh tử, hướng đến tự tánh của các pháp trước, nhân “duyên” các tai hại lỗi lầm của vị ái, nên tâm nhàm, trái, thu hưởng hạnh tam- Bồ-đề v.v..., gọi là “thu hạnh”. Đức Như lai đều biết khéo về “thu hạnh” này, gọi là “thế gian giải”. Dưới đây là phân biệt chung.

Nói “ Trong đây, Như lai cho đến “Là đức không chung, nghĩa là hai chương không có nơi chốn, về lý vô vi thì đồng, gọi là đức chung. Từ câu “ngoài ra, minh hạnh viên mãn v.v... là đức không chung, với công đức hữu vi, Chư Phật đều thành tựu, riêng thuộc về Phật, gọi là bất cộng. Có chỗ giải thích hai chương là vô vi, ba thừa đồng được, nên gọi là công đức. Ba minh, v.v... Nhị thừa tùy phần thành tựu không bằng Như lai, nên gọi là không chung (không bằng giải thích trước).

Thứ hai, là giải thích về tướng vô thường. Trước, chia ra bốn môn:

1. Tu.
2. Tu quả.
3. Tu sai khác.
4. Tu phương tiện.

Nói “Đối với tướng vô thường trong Tố-đát-lãm, tu, nghĩa là hoặc tu hoặc tập: Theo Tố-đát-lãm, che lấp tu tướng vô thường.

Tu quả: Tất cả dục tham, nói rộng. Nghĩa là do tu tưởng vô thường, nên nhập “không quán”, dứt trừ tất cả tham, gọi là tu quả. Đây là nêu tham dục đã lìa, nói về nghĩa trạch diệt, là tu quả kia. Tu sai khác, nói là thí dụ khác nhau, nghĩa là vì nhân tu tưởng vô thường, nên còn thực hành quán khác, gọi là tu sai khác.

Tu phương tiện, nghĩa là trụ nơi A-luyện-nhã, rất dễ hiểu.

Kế là, giải thích riêng bốn môn:

Trong giải thích môn đầu, trước giải thích về hoặc tu, hoặc tập, hoặc tu tập nhiều, có hai lượt. Sau, giải thích rải rác trong kinh, sáu câu là xứ, là sự v.v..., trong đó, trước, giải thích sáu câu theo thứ lớp. Sau, giải thích lại hai câu năm, sáu, gồm có ba lượt. Vì thuận theo dục tham, nên nói về điều cử dưới đây:

Kế là, giải thích môn thứ hai, Sắp muốn nói về quả. Trước nêu chương kia:

“Thuận theo dục tham, nói điều cử v.v...”: Cõi Dục tán, động, gọi là điều cử. Cõi Sắc trì lại định, khởi mạn. Vô Sắc tham, thuận với vô minh, tức là nhiễm sắc, nhiễm của Vô Sắc, điều cử, mạn, vô minh là năm kết phần dưới. Lỗi này đã dứt trừ.

Nói “nhỏ bỏ căn bản”, nghĩa là vì dứt tùy miên: cắt đứt hạt giống.

“Bẻ gãy nhánh nhóc” cho đến “Vì không tăng trưởng, nghĩa là phiền não của địa dưới, vì câu có báo, nên tu phước phần thiện. Do dứt phiền não, pháp thiện của phần phước không tăng.” Do tưởng vô thường sở duyên cho đến “vì quán vô thường”, nghĩa là tưởng cảnh chỉ quán, chỉ bày vô thường.

Đài các: Giải thích môn thứ ba, giải thoát “câu hành” v.v..., nghĩa là quả vô học.

Rường cột, nghĩa là người kia dựa vào nhân, là nhân ở trước.

Dấu vết của voi, nghĩa là dấu vết voi là hơn hết trong các dấu vết. Tưởng vô thường là hơn hết trong các tưởng. Tưởng vô thường của vô học thứ nhất, với cảnh rộng, thông suốt, như vua Chuyển Luân vương. Tưởng vô thường của người học hẹp, như thành vua nhỏ. Cũng có thể loại trừ tưởng vô thường, các tưởng khác v.v..., như thành vua.

Lại, “hoặc ở A-luyện-nhã” v.v... trở xuống, là giải thích môn thứ tư:

Nói “Chỉ có tánh vô thường hữu sắc v.v...”, nghĩa là bốn uẩn vô thường, các Bộ đều nói chung, một thứ sắc uẩn.

Có thuyết nói: “Vào lúc kiếp sơ, thời kỳ kiếp sinh, hoại, diệt,

trung gian thường trụ”.

Vì phá chấp này, nên nói “Chỉ có sắc vô thường v.v...”.

Thứ ba, giải thích Đễ-sa: Đễ-sa, là tên vì sao. Có Tỳ-kheo đặt tên mình từ ngôi sao, có tên Đễ-sa. Đức Phật vì Đễ-sa nói bốn thứ đến đạo, chương hai thứ đạo v.v.... Lại, nói: “Bà Sa Ba mươi quyển có Đễ-sa, Phạm thiên”. Luận sư Cảnh nói: “Nói bốn chương:

1. Nghi.
2. Tà Tâm, Từ.
3. Tà phần Tâm, Từ.
4. Tà phần Kiến hành.

Hai đạo: Là Chánh đạo, tà đạo. Chỗ khác là tà đạo. Dưới đây là giải thích rải rác văn kinh:

Phần nộ và khổ não, đồng là loại phần nộ là một.

Không vui, là sự giận tạp nhạp, đây là thứ hai. Hai thứ này cũng như cái hầm, khe suối.

Kế là, nói mạnh mẽ, nhạy bén, nghĩa là ở trong rừng rậm sâu. Phiền não mạnh mẽ nhạy bén đều ở trong rừng rậm. Dù bỏ cha mẹ, vợ con, bầy thú sự đã nhiếp thọ, mà do phiền não vì đều tham luyến, nên không thể bỏ. Việc này có chỗ giải thích:

Nói có bốn chương:

1. Nghi.
2. Tà Tâm, Tư.
3. Tà phân biệt Tâm, tư.
4. Tà phân biệt kiến hạnh.

Hai đạo: 1- Khổ não; 2- không vui. Hai thứ này như cái hầm, khe suối. Dưới đây, là giải thích về lời nói v.v.... Dù đi vào núi rừng để tu đạo, bỏ bầy sự nhiếp thọ, mà không thể bỏ lợi dưỡng, cung kính. Do hai nghĩa này nên khổ não không vui, không bằng giải thích trước.

Thứ tư, giải thích về sự sợ hãi có thể biết.

Thứ năm, là giải thích vô vi. Tên khác của không lay động là phân biệt, gọi là môn nhiếp khác.

Thứ sáu, là giải thích “không”. Ngã nào sẽ “không” ngã sở? Cái gì sẽ “không”? Là nêu văn kinh. Hoặc là ngã giả của pháp Phật, hoặc là ngã mà ngoại đạo đã chấp thật có.

Ngã sở sẽ “không” v.v..., nghĩa là y cứ ở đời vị lai cho đến “Vì mong cầu bất sinh”: uẩn của mình ở vị lai rằng: “Ngã nào sẽ “không” gọi là mong cầu sinh? Khí thế giới ngoại ở vị lai, “ngã sở” nào sẽ “không”, để được gọi là mong cầu bất sinh?”

Lại nữa, biểu thị rõ mong cầu, vì dựa vào bất sinh. Vì sắc là y chỉ của sự mong cầu. Trên sắc uẩn đã được nương tựa ở vị lai, nói ngã nào sẽ “không”?

Lời nói và mong cầu đều dựa vào sắc kia, vì cảm thọ bất sinh, trên thọ uẩn ở vị lai, nói “ngã sở” nào sẽ “không”, nên nói là mong cầu bất sinh. Ngã sẽ “không”, ngã sở cũng sẽ “không”, nghĩa là y cứ ở đời hiện tại mà nói. Trước nói: “Ngã nào sẽ “không”, Ngã sở nào sẽ “không”? Nay sao không nói thẳng rằng: Ngã sẽ “không”, Ngã sở sẽ “không”, chỉ nói y cứ ở đời hiện tại là khác, như ở trước đã dựa vào “ngã” “pháp”, lại làm hai lượt như trước đã dẫn.”

Nói “Đây là quán vô thường diệt, quán trước ở nơi trạch diệt”, nghĩa là nói hai quán khác nhau. Lại, quán trước vì chỉ có hy vọng, nên quán sau do quán tánh vô thường đối với nhân hiện tại. Nghĩa là nói lại hai quán khác nhau.

Thứ bảy, là giải thích về không nối tiếp nhau, như văn.

Thứ tám, là giải thích về “không”. Nói diệt, nghĩa là vì dứt trừ các phiền não khác, là Niết-bàn hữu dư, nói Niết bàn nghĩa là Niết-bàn vô dư.”

Thứ chín, giải thích vô thường. Pháp có tận, nghĩa là vì một phần tận, là quá khứ. Pháp có mất nghĩa là vì hoàn toàn mất, là rơi vào ba đời, ba đời đều mất. Lại, pháp có tận, nghĩa là vì toàn phần diệt, nói là pháp ba đời đã tận, sẽ tận và hiện nay đang tận. Pháp có mất nghĩa là nối tiếp nhau đổi thay, hư hoại. Hai giải thích có khác: Pháp có lìa dục, nói là tương ứng với tai họa lỗi lầm, nghĩa là có riêng nghĩa lìa. Pháp có diệt, nghĩa là tất cả pháp hữu vi đều có xuất ly.

Thứ mười, là giải thích vô dư, chung câu của vô dư đoạn, còn có câu riêng, lại là pháp nhiệm của ba đời, rất dễ hiểu.
